

O thời điểm giao thời giữa hai thế kỷ này, không thể không nhìn lại một năm đã qua, nhìn đến một năm mới mà không nhìn trong tương độ của cả một thế kỷ.

Hãy bắt đầu nhìn lại năm qua với cái mốc khởi đầu là ngày 1.1.1999 "lịch sử" với việc đồng euro được phát hành với tỷ giá 1 euro đổi được những 1,166 USD. Phấn khởi, hồ hởi quá đi thôi cho một châu Âu đầy tham vọng muốn đồng tiền chung của mình trở thành một đồng tiền đối trọng so với đồng USD và đồng yên Nhật đang khổng chế thị trường thế giới. Thế nhưng, "quả bóng" euro thì hơi dần để rồi đến cuối tháng 11 tỷ giá "cao ngạo" này của đồng euro chỉ còn là 1

theo những sóng gió đã từng nhận chìm các tiền tệ của Brazil, của Bồ Đào Nha, của Ý...vào các năm trước, càng cho thấy sức mạnh của đồng USD chính là do thế giới này đã bị cuốn vào trong quỹ đạo của đồng USD, đã bị hút vào trong một guồng máy kinh tế gọi là tự do hóa thị trường trong đó không chỉ các hàng rào thuế quan mới bị xô ngã mà cả các hàng rào tài chính.

Thật ra, không đợi đến năm 1973 với việc thả nổi đồng USD mà ngay từ năm cuối cùng của thế chiến thứ nhì, khi nước duy nhất chiến thắng mà không đổ nát là Mỹ đứng ra làm "mạnh thường quân" viện trợ tái thiết cho các nước Tây Âu theo kế hoạch gọi là Marshall, thúc đẩy thiết

Sự cáo chung của chế độ thực dân cũng là khởi đầu cho một đế quốc mới là Mỹ như là một mô hình đa diện, từ kinh tế đến văn hóa...Đáng tiếc là trong lúc đó một mô hình khác đã thất bại do những áp dụng bất cập của nó trong cuộc sống và có thể do những điều kiện chưa chín mùi.

Muốn hay không muốn, thế giới của thế kỷ 20 vẫn là thế kỷ của thị trường. Thế nhưng, thế giới của thế kỷ 20 không chỉ là thế giới của những nhà sản xuất cùng các nhà buôn (trong ý nghĩa cổ điển nhất) mà còn là thế giới của những nhà buôn tiền. Đây không phải là một điều gì mới mẻ. Lịch sử tự cổ chí kim, từ đồng sang tây đều đã ghi chép nhiều về những nhà buôn tiền này rồi. Vấn đề

NHÌN LẠI MỘT NĂM, MỘT THẾ KỶ

DANH ĐỨC

euro = 0,930 USD. Hãy tưởng tượng một người dân châu Âu đầu năm khi mua vào đồng euro có những 1.166 đồng, đến cuối tháng 11 đem bán ra đổi lấy USD chỉ còn có 930 đồng, sẽ thấy mất mát lớn đến đâu. Điều gì đã xảy ra nếu không phải là thực lực kinh tế của EU không đủ mạnh để bảo vệ đồng tiền của mình? Cho dù có muốn giải thích rằng với một tỷ giá thấp như vậy hàng hóa châu Âu dễ xâm nhập các thị trường hơn, cũng không thể chối cãi rằng muốn gì thì muốn châu Âu vẫn chưa phải là một "anh cả đồ" bên cạnh các siêu cường kinh tế Mỹ, Nhật và đồng euro vẫn chưa phải là một đối trọng ngang tầm đồng USD (và đồng yên Nhật).

Muốn hay không muốn, kể từ khi tổng thống Mỹ Nixon đơn phương ấn định đồng USD thôi không dựa trên bản vị là vàng nữa vào năm 1973, thả nổi đồng USD, thì đồng USD "làm mưa làm gió" trên thị trường tài chính thế giới, thậm chí là bản vị cho một số tiền tệ. Những sóng gió nhận chìm các đồng baht Thái, rupiah của Indonesia, đồng won của Hàn Quốc, đồng peso của Philippines, đồng ringgit của Malaysia, đồng rúp của Nga cùng các tiền tệ Đông Âu cũ, đồng peso của Mehico, đe dọa đồng đôla Hồng Kông, đồng nhân dân tệ của Trung Quốc... vào nửa cuối năm 1997 sang cả đến quý 3 năm 1998, tiếp

lập một trật tự giao thương mới gọi là GATT cùng các tổ chức, định chế quốc tế tương thích là WB, IMF...đồng USD cũng đã là một cái *must* ít nhất cũng là cho Tây Âu rồi. Đồng USD cũng đã lại là một cái *must* trong thập niên 90 sau khi Liên Xô và Đông Âu cùng mô hình kinh tế kế hoạch sụp đổ vì những ứng dụng xa thực tế cuộc sống và quy luật thị trường của nó. Ở Nga cũng như ở các nước Đông Âu cũ và một số nước khác cùng có nền kinh tế đang chuyển đổi, cũng như tại một số nước châu Mỹ la tinh và Đông Á những khoản viện trợ bằng đồng USD được xem vừa như là cứu tinh, vừa như là "quỹ dự" do những điều kiện đổi lấy đồng USD viện trợ này quá ngặt nghèo khiến các nước tự cảm thấy hoặc như bị mất chủ quyền hoặc như bất lực không bảo vệ được đời sống nhân dân của mình (và có thể cả quyền lợi của một nhóm lãnh đạo cùng các tập đoàn dựa vào quyền lực lãnh đạo) trước những cơ giết của thị trường sau khi thực hiện những điều kiện đã được các chủ nợ đặt ra.

Hơn nữa sau của thế kỷ 20 là của một trật tự kinh tế khổng chế bởi đồng USD và nước Mỹ, sau khi trong non nửa đầu của thế kỷ thế giới vẫn còn được chia thành từng khối mẫu quốc/thuộc địa khác nhau, độc lập với nhau, với những đồng tiền mẫu quốc.

là buôn tiền ở thế kỷ 20 lại phát triển quá đổi, không chỉ còn là những tiền tệ hữu hình hay những ngân phiếu, trái phiếu...mà là những chứng khoán, những lệnh chi qua máy tính, không còn là những kẻ cho vay nặng lãi bị nguyên rửa trong Kinh thánh nữa, mà là những nhà kinh kỷ có thể trong giây phút "nuống" cả triệu, cả tỷ USD như trường hợp sụp đổ của ngân hàng Barings của Anh, thậm chí có thể đánh quỵ cả những nền kinh tế các quốc gia như một tài phiệt Soros đã làm.

Trong thế giới buôn tiền của thời đại tin học đó, mọi việc đều đảo lộn, kể cả trong lĩnh vực đạo đức và đây chính là tai họa cho nhân loại. Đạo đức không còn là "chớ tham của người" như điều răn thứ mười trong 10 điều răn gọi của Đức Chúa Trời. Đây là một thay đổi lớn lao trong tư tưởng phương Tây, mà nền văn hóa và đạo đức vốn dĩ thoát thai từ những giá trị đạo đức gọi là Do Thái - Thiên chúa giáo vốn rất "kỵ" việc buôn tiền, cho vay nặng lãi, mà bộ "Summa Theologica" (Tổng tập thần học) của Thomas d'Aquin ngay từ thời trung cổ đã ấn định như một thứ đạo luật thành văn. Làm thế nào mà từ một nền đạo đức "kỵ" buôn tiền, phương Tây đã nhanh chóng chuyển qua một nền đạo đức mà trong đó buôn tiền không thấy lương tâm rúng động?

Khi Nietzsche tuyên bố vào cuối thế kỷ trước, chắc như đinh đóng cột "Thượng đế đã chết", thì cũng là lúc kết thúc nền đạo đức Do Thái - Thiên Chúa giáo như là nền tảng đạo đức phương Tây, như chính Nietzsche đã khẳng định rằng nền đạo đức này chính là sự phủ nhận cuộc sống. Đó cũng là lúc mà Marx tố cáo chủ nghĩa tư bản chính là chế độ người bóc lột người. Thế cho nên, khi bước vào việc buôn tiền ở quy mô bạc tỷ USD và với tốc độ nhanh như ánh sáng như thế, chủ nghĩa tư bản càng khẳng định đầu là những giới hạn cùng nguy cơ của nó: sự bùng nổ từ bên trong (implosion) vì những mâu thuẫn của nó. Hội nghị WTO Seattle tháng 12.1999 không chỉ là một thất bại của tổ chức này mà là một tiên báo cho những mâu thuẫn khổng lồ khó bề vượt qua, mà Bộ trưởng ngoại giao Pháp Védrine đã "triệt lý" dự báo: "WTO thất bại, sẽ là chiến tranh". Tất nhiên, chiến tranh có thể với nhiều hình thức, nhẹ nhàng thì chiến tranh kinh tế, bề tắc tịt độ thì bằng võ lực. Hai cuộc thế chiến trong thế kỷ 20 cùng biết bao những cuộc chiến khác, đặc biệt những cuộc chiến tranh dầu hỏa ở Trung Đông, xuất phát từ những mâu thuẫn kinh tế. Tất nhiên, chiến tranh, cho dù là chiến tranh kinh tế, vẫn không là điều mà đa số các chính phủ mong muốn. Bởi thế luôn có những tự điều chỉnh để tránh những tình huống xấu nhất có thể dẫn đến chiến tranh. Việc giá dầu thô từ xấp xỉ 10 USD/thùng vào đầu năm 1999, đến cuối năm đã xấp xỉ ngưỡng 25 USD/thùng, là một sự tự điều chỉnh không chỉ của các nước OPEC, giảm sản lượng để bảo vệ giá dầu và thu nhập quốc dân, mà còn của cả những cường quốc kinh tế nhập khẩu dầu (chấp nhận giá đó), để tránh một cuộc khủng hoảng kinh tế mới nữa mà lần này đối tượng là các nước xuất khẩu dầu.

Trên đây là những đánh giá trong trường độ dài, thế còn trước mắt? Trong một bản tường trình mới nhất đưa ra vào đầu tháng 12, WB đã dự báo "các nước đang phát triển nay đang khôi phục từ những tàn phá tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng tài chính 1997 - 1998. Các nền kinh tế Đông Á đang hồi phục sau sự suy sụp năm ngoái. Các triển vọng cải thiện cùng những điều kiện thuận lợi hơn cho thị trường tiền tệ tại nhiều nơi trong thế giới đang phát triển này đã có tác động đẩy mạnh các thị trường vốn và làm hạ thấp lãi suất vốn đã lên cao đến tận trời xanh vào giữa năm 1998. Các nước đang phát triển nay cũng đang hưởng lợi từ việc tăng tốc độ tăng trưởng và hạ lãi suất ở các nước công nghiệp". Thế nhưng, dấu cho bối cảnh mới có là lạc quan như

thế, WB cũng không thể không cảnh báo rằng "sự khôi phục là không đồng đều và mỏng manh, và rằng nhiều nước vẫn còn tiếp tục chống trả với hậu quả của cuộc khủng hoảng. Nhiều nước đã giảm tăng trưởng trong năm 1999. Tình trạng bất cân đối ở các nước công nghiệp còn làm tăng thêm những bất trắc nơi bối cảnh kinh tế".

WB đặc biệt quan tâm đến 3 khu vực trên thế giới là Đông Á, Brazil và Liên bang Nga mà cuộc khủng hoảng đã có tác động lớn nơi tăng trưởng và an sinh xã hội, làm cho tình trạng nghèo khó trở nên nghiêm trọng hơn. Theo WB, các tác động của các cuộc khủng hoảng từ 1997 đến 1999 vẫn tồn tại ở 3 khu vực này dưới nhiều hình thức. Tại phần lớn những nước phát triển nhất của 3 khu vực này, tăng trưởng vẫn còn yếu và thấp hơn giai đoạn tiền - khủng hoảng. Sự nứt rạn xã hội là nghiêm trọng, những tiến bộ trong giảm nghèo bị đình đốn. Tại Đông Á, Hàn Quốc là nước mà tỷ lệ thất nghiệp ở các thành phố tăng mạnh nhất song song với việc hạ sức mua, trong khi tại Thái Lan khu vực nông thôn nay chịu tác động vì giảm nguồn tài chính của nông dân ra tỉnh kiếm việc làm mà không kiếm được. Thế nhưng, cũng đã có một số diễn biến bất ngờ như các nỗ lực điều chỉnh kinh tế ở một vài nước gặp khủng hoảng nhất như là Nga và Brazil đã lại tăng trở lại nhiều hơn mong muốn, hoặc việc giá dầu hỏa tăng mạnh, tiếp theo quyết định cắt giảm sản lượng dầu hỏa của OPEC vào tháng 4.1999 đã tạo thuận lợi cho những nước đang phát triển nào dựa nhiều vào việc xuất khẩu dầu. Các tác động tích cực này đủ để hậu thuẫn cho sự tăng trưởng chung. Chính vì thế mà WB đã điều chỉnh lại những số liệu của mình: tỷ lệ tăng trưởng của các nước G7 trong năm 1999 có thể là 2,6%, cao hơn dự kiến trước đó 6 tháng những 0,9%. Việc Mỹ tiếp tục tăng trưởng mạnh và việc Nhật có được những thành tựu đáng chú ý kể từ nửa đầu năm 1999 đã là những yếu tố tích cực bên cạnh những dấu hiệu khôi phục mạnh mẽ ở Châu Âu. Ngay cả các nước đang phát triển, cũng có thể thấy tỷ lệ tăng trưởng tăng đến 1,2% so với những dự báo vào tháng 3.

Thế nhưng, các tác động tích cực trên lại che đậy tình mong manh của các nước đang phát triển vốn chưa hoàn toàn bình phục từ cuộc khủng hoảng. Những diễn biến trong năm qua không phải là mẫu hồng cả. Việc giá dầu tăng sẽ khiến cho các nước nhập khẩu dầu phải tốn hao hơn, về lâu về dài sẽ làm giảm cầu dẫn đến những bất trắc nhập siêu ở một số nước và từ đó làm chậm lại nhịp tăng trưởng ở Mỹ và Châu Âu, làm Nhật rơi trở lại vào tình trạng suy thoái. Tại các nước đang phát triển phải nhập khẩu dầu hỏa cũng thế, sẽ phải giảm cầu nội địa và giảm nhập khẩu. Viễn tượng năm 2000 và 2001 không hẳn là sáng sủa. Về lâu về dài, tình hình còn bất trắc hơn. Bởi thế có thể dự báo mức tăng trưởng của các nước đang phát triển trong giai đoạn 2001 - 2008 sẽ thấp hơn trong giai đoạn tiền - khủng hoảng. Hậu quả là tốc độ giảm nghèo sẽ còn chậm hơn nữa, thậm chí ở khu vực Nam Sahara của Châu Phi, ở Châu Mỹ la tinh sẽ không đạt chỉ tiêu giảm nghèo.

Theo WB, các nước đang phát triển cần phòng chống những đợt khủng hoảng sắp tới, đặc biệt do quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu. Bất cứ một chiến lược phát triển nào, để có thể đạt đến sự tăng trưởng ổn định và lâu dài, cũng đều bao gồm những mạng lưới an sinh xã hội thích ứng cùng những chính sách và định chế thích hợp có khả năng phòng ngừa khủng hoảng và có khả năng đáp ứng khi khủng hoảng xảy ra. Phòng ngừa khủng hoảng không chỉ đơn thuần là bảo vệ và thúc đẩy tốc độ tăng trưởng mà còn là cải tiến khả năng xử lý trong trường hợp mất tăng trưởng hoặc dao động tăng trưởng.

Trong bối cảnh đó, nếu nhớ lại những gì mà các tổ chức tài trợ đã nêu ra tại Hội nghị tài trợ Hà Nội, VN cần đẩy mạnh cải cách...(xem *Phát triển Kinh tế số trước*) sẽ càng thấy vấn đề trước mắt không chỉ là bảo vệ và thúc đẩy tốc độ tăng trưởng mà còn là chuẩn bị sẵn một khả năng xử lý trong trường hợp mất tăng trưởng hoặc dao động tăng trưởng, như khuyến cáo chung của WB nêu trên ■

Thông báo

Ban biên tập Tạp chí Phát triển Kinh tế kính mời bạn đọc tham gia viết bài và mua Tạp chí quý II năm 2000 theo các chủ đề sau:

- Tháng 4.2000: Giải pháp ngăn chặn đà giảm sút nhịp độ tăng trưởng kinh tế.
- Tháng 5.2000: Điều chỉnh cơ cấu đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.
- Tháng 6.2000: Chấn chỉnh, củng cố toàn diện hệ thống ngân hàng.

PTKT